

Kinh Hoa Nghiêm Đại Phương Quảng Phật tóm lược (Quyển 06)

ISSN: 2734-9195 10:11 02/02/2026

Bộ Luận Kinh Hoa Nghiêm Đại Phương Quảng Phật được giảng giải bởi Hòa thượng Tuyên Hóa, Việt dịch Tỳ Kheo Thích Minh Định, gồm có 25 quyển. Bài viết này là những ý chính, cô đọng nhất của quyển 06.

1. Phẩm thế giới Hoa Tạng

Phẩm là phẩm loại. Đây là tên phẩm của kinh, Hoa là hoa sen, tạng là thu tạng, còn có ý nghĩa là sinh ra. Ở đó có hạt giống hoa sen, cho nên sinh ra thế giới hoa sen. Nếu nói đầy đủ thì gọi là Hoa Tạng Trang Nghiêm Nghiêm Cụ Thế Giới Hải. Nói tóm tắt là Hoa Tạng Thế Giới. Vì thế giới đó dùng hoa sen để trang nghiêm, cho nên gọi là thế giới Hoa Tạng.

Đoạn thâm dục - Tịnh tu

Nghiên cứu kinh Phật thì trước hết nghiên cứu chỗ cạn, nghiên cứu hiểu rõ ý nghĩa thiển cạn rồi, thì sẽ vào sâu, từng bước từng bước nghiên cứu vào sâu, như vậy thì mới thấy rõ triệt để. Chúng ta bắt đầu nghiên cứu kinh điển, nếu giảng sâu thì e rằng người mới học Phật pháp chẳng thể tiếp thọ được. Nếu chẳng ai nghe hiểu thì giống như chẳng giảng, vậy thì lãng phí thời gian, tiêu hao tinh lực, chẳng có chút giá trị gì. Bây giờ đừng gấp vội, nghiên cứu Phật pháp phải có sự nhẫn nại, không thể có ngã chấp ngã kiến, phải dùng trí tuệ chiếu soi thật tướng của các pháp. Dùng trí tuệ để nghiên cứu Phật pháp thì nhất định sẽ minh bạch. Dùng tâm thâm dục để nghiên cứu Phật pháp, thì kiếp kiếp chẳng thể hiểu được. Nghiên cứu Phật pháp chẳng phải là nói ở đầu miệng lưỡi, mà là thành thật tu hành. Phật pháp là dạy người hồi quang phản chiếu, trở lại cầu nơi chính mình, trừ khử sạch tập khí mao bệnh, khử trừ hết tâm thâm dục. Trong Kinh Lăng Nghiêm có nói: "Tâm thâm không trừ, thì không thể ra khỏi trần lao." Trong Kinh Kim Cang có nói: "Hàng phục kỳ tâm." Nghĩa là hàng phục tâm thâm dục. Dục niệm không sinh, tức là: "Được một vạn sự đều xong." Đã giải quyết xong vấn đề căn bản, mọi việc khác đều ngoài da mà thôi. Do đó

có câu: “Một thông thì tất cả đều thông, Một thấu rõ thì tất cả đều thấu rõ.” Chỉ cần trừ sạch tâm dục, thì thiên lý lưu hành. Thiên lý tức là Phật tính, cũng là trí tuệ, cũng là quang minh vốn có, có thể chiếu khắp ba ngàn đại thiên thế giới. Chúng ta học Phật pháp, chìa khóa quan trọng nhất là ở chỗ này, đoạn tâm dâm dục.

Tịnh tu tức là chuyên nhất, chẳng có tư tưởng nhiễm ô. Nhiễm ô tức là tâm dục. Chúng ta chúng sinh thời khắc có tâm nhiễm ô, cho nên phải tu hành, dùng tâm thanh tịnh để điều phục tâm nhiễm ô, quét sạch hết rác rến trong tâm, để cho tâm được thanh tịnh. Tóm lại, tu hành tức là quét trừ, quét tất cả pháp chẳng sinh, trừ tất cả pháp chẳng khởi. Thần Tú đại sư nói: “Luôn luôn siêng lau chùi.” Thời thời khắc khắc lau chùi gương, ‘gương tâm’ cho thanh tịnh, gương sạch thì vật hiện, Phật đến cũng chiếu, như thế thì sẽ phân biệt biết được thiện ác, đó tức là tịnh tu. Nhưng vẫn chưa đạt đến trình độ: “Những gì làm đã xong, chẳng thọ thân sau nữa.” Một số người cho rằng: “Luôn luôn siêng lau chùi.” Chẳng phải là pháp môn đốn ngộ. Thật tế thì người chẳng có căn lành lớn, trí tuệ lớn, thì vẫn phải tiệm tu, tu từ từ, luôn luôn siêng lau chùi, ít nhất đạt đến giai đoạn tâm chẳng có bụi trần. Bụi trần tức là tâm nhiễm ô. Người tu đạo phải luôn luôn phản tỉnh, tại sao tôi xuất gia? Mục đích xuất gia là gì? Phải tinh tấn tu hành. Mà tu hành thì phải đoạn trừ tâm dâm dục. Phàm là có tư tưởng tâm dâm dục thì nhất định sẽ đọa địa ngục. Có người hỏi: “Người xuất gia có tâm tâm dâm dục thì đọa địa ngục. Vậy người tại gia có rất nhiều tâm tâm dâm dục, tại sao chẳng đọa địa ngục?” Vì người xuất gia đã thọ giới cụ túc, biết rõ mà cố phạm; rõ ràng biết chẳng đúng mà mình tự lừa gạt mình, đi làm chuyện không đúng. Đây là nguyên nhân đọa vào địa ngục. Còn người tại gia vì truyền tông tiếp đại, đó là pháp thiên kinh địa nghĩa, họ còn duyên nghiệp vợ con quyến thuốc, khác với người đã xuống tóc. Nếu tà dâm ngoài vợ chồng thì cũng đọa địa ngục, thọ quả báo.

Thế giới hải Hoa Tạng Trang Nghiêm có mười thứ phong luân:

- 1). Phía dưới cùng phong luân tên là Bình đẳng trụ, hay nhiếp trì tất cả các báu quang diệu rực rỡ và rất trang nghiêm.
- 2). Kế trên phong luân còn có một phong luân tên là Xuất sinh chủng chủng bảo trang nghiêm, hay nhiếp trì quang minh thanh tịnh chiếu sáng của tràng báu ma ni vương ở phía trên.
- 3). Kế trên phong luân còn có một phong luân tên là Bảo oai đức, hay nhiếp trì tất cả linh báu ở phía ở phía trên.
- 4). Kế trên phong luân còn có một phong luân tên là Bình đẳng diệu, hay nhiếp trì tướng nhật quang minh luân báu ma ni vương.

- 5). Kế trên phong luân còn có một phong luân tên là Chung chủng phổ trang nghiêm, hay nhiếp trì hoa quang minh hoa quang minh luân ở phía trên.
- 6). Kế trên phong luân còn có một phong luân tên là Phổ thanh tịnh, hay nhiếp trì tất cả tòa sư tử hoa diễm ở phía trên.
- 7). Kế trên phong luân còn có một phong luân tên là Thanh biến thập phương, hay nhiếp trì tất cả tràng báu châu vương ở phía trên.
- 8). Kế trên phong luân còn có một phong luân tên là Nhất thiết bảo quang minh, hay nhiếp trì tất cả cây hoa báu ma ni vương ở phía trên.
- 9). Kế trên phong luân còn có một phong luân tên là Tốc tất phổ trì, hay nhiếp trì tất cả mây hương ma ni Tu Di ở phía trên.
- 10). Kế trên phong luân còn có một phong luân tên là Chung chủng cung điện du hành, hay nhiếp trì tất cả mây hương đài báu ở phía trên.

Ở trên là mười thứ phong luân, hỗ tương nhiếp trì với nhau mà chẳng phá hoại. Mỗi phong luân đều nhiếp trì phong luân ở phía trên, cũng hay nhiếp trì phong luân ở phía dưới. Chúng ta đã thọ giới thì phải giữ giới. Giữ giới như mặt trăng tròn sáng, thân khẩu ý ba nghiệp, một chút mao bệnh còn chẳng có, đó tức là quang minh báu, tức cũng là trí tuệ hiện tiền. Nên dùng sức thanh tịnh và trí tuệ quang minh để trang nghiêm tất cả cõi nước. Mây từ bi rộng lớn vô biên, chiếu khắp tất cả tâm chúng sinh. Từ hay ban vui, bi hay cứu khổ, đầy khắp tất cả chúng sinh giới. Phật vì cứu hộ chúng sinh, vì giáo hóa chúng sinh mới chịu xả thân trong vô lượng chỗ. Hết thấy hạt bụi đều là chỗ xả thân của Phật Lô Xá Na. Nhờ sức tu hành trong vô lượng kiếp thuở xưa, nên khiến cho thế giới hiện tại này chẳng có chút nhiễm ô nào, mà biến thành thế giới hải Hoa Tạng Trang Nghiêm thanh tịnh.

Kim Cang đầy đủ ba thứ tác dụng đó là: Kiên, minh, lợi. Kiên là kiên cố, minh là quang minh, lợi là sắc bén. Đầy đủ ba điều này thì sẽ đoạn được tất cả phiền não, khai mở tất cả trí huệ, phát tâm bồ đề dũng mãnh lâu dài tinh tấn.

Tuổi thọ của thế giới có bốn giai đoạn. Trong mỗi giai đoạn lại phân ra làm bốn giai đoạn nhỏ. Trong kiếp thành phân ra: Thành, trụ, hoại, không. Kiếp trụ, kiếp hoại, kiếp không, cũng như thế. Giống như tuổi thọ của con người, cũng có: Sinh, già, bệnh, chết, bốn giai đoạn. Có thể phân chia làm như vậy: Từ một tuổi đến hai mươi tuổi, là giai đoạn sinh, thời kỳ sinh trưởng. Từ hai mươi đến bốn mươi tuổi, là giai đoạn già, sinh lý đến cực điểm, bắt đầu thời kỳ lão hóa. Từ bốn mươi một đến sáu mươi, là giai đoạn bệnh, tứ đại chẳng điều hòa, thời kỳ trầm bệnh phát sinh. Từ sáu mươi một đến tám mươi tuổi, là giai đoạn chết, thời kỳ

chết. Từ một tuổi đến hai mươi tuổi, lại phân ra: Sinh, già, bệnh, chết, bốn thời kỳ: Một đến năm tuổi là sinh, sáu đến mười tuổi là già, mười một đến mười lăm tuổi là bệnh, mười sáu đến hai mươi tuổi là chết. Tuổi thọ con người và tuổi thọ thế giới cùng một đạo lý, khi thế giới kiếp trụ thì khí hậu cũng có lúc chẳng thường, có lúc rất lạnh, có lúc rất nóng, khí hậu bây giờ và một trăm năm trước chẳng giống nhau.

Thế giới chúng ta đây, cảm thấy rất lớn, song, theo sự nhìn thấy của chư Phật, chẳng qua là một hạt bụi mà thôi. Thế giới với thế giới có vị trí nhất định, chẳng lộn xộn, có hàng lối. Thế giới này hư hoại, thì thế giới kia thành, tuần hoàn không ngừng, chấm dứt rồi bắt đầu. Nghiên cứu Kinh Hoa Nghiêm, tức là phóng tâm lượng ra cho rộng lớn. Tâm lượng của chúng ta vốn là tận hư không biến pháp giới. Trong tâm quán bao quát vô lượng thế giới, nhiều như hạt bụi. Song, vì tâm ích kỷ quá nặng, tất cả đều nghĩ đến lợi ích cho chính mình, mà quên mất tinh thần Bồ Tát đại công vô tư, cho nên chẳng dung nạp được việc lớn. Tâm ích kỷ lợi mình đầy dẫy trong tâm, thì làm sao mà có chỗ dung chứa thế giới tươi đẹp? Song, chúng ta nên phóng tâm lượng cho rộng lớn, dung nạp tất cả vạn sự vạn vật.

Do đó: *‘Tâm bao thái hư, lượng chu sa giới.’* Nghĩa là: *Tận hư không biến pháp giới, đều ở trong tâm của chúng ta.*

Thế giới có vô lượng vô biên như số hạt bụi, thì trong tâm của chúng ta có vô lượng vô biên vọng tưởng. Những vọng tưởng đó đại biểu cho hạt bụi. Hạt bụi thế gian cũng đại biểu cho vọng tưởng của chúng sinh. Do đó: *‘Tính định ma phục triều triều lạc. Vọng tưởng bất khởi xứ xứ an.’* Nếu tâm của bạn an định, thì ma cũng hàng phục được, ngày ngày đều khoái lạc. Vọng niệm của bạn chẳng khởi, thì bất cứ đi đến đâu, cũng bình an vô sự, chẳng phát sinh vấn đề. Trong nhà Phật có câu rằng:

“Đạo cao nhất xích, ma cao nhất trượng.”

Ma đến là giúp đỡ người tu đạo. Theo sự thấy trước mắt thì ma là kẻ phá hoại người tu đạo. Kỳ thật, thì ma đến khảo nghiệm sự tu đạo của bạn. Nếu qua được sự khảo nghiệm, thì có tư cách tiến bộ, sớm sẽ thành tựu đạo nghiệp. Nếu như chẳng qua được sự khảo nghiệm, thì đầu hàng với ma, cam tâm tình nguyện làm quyến thuộc của ma, bị ma sai khiến, phải *“Luyện lại từ đầu.”* Phàm việc gì, cũng phải từ mặt trái mà tìm chỗ tốt, nếu nhận thức được, thì ma là kẻ trợ giúp người tu đạo. Nếu chẳng nhận thức được, thì ma là kẻ phá hoại người tu hành. Cho nên trong mỗi đạo tràng, có người sắp chứng quả, có người sắp khai ngộ, hoặc có người chuyên tâm tu hành, thì lúc đó ma sẽ đến khảo nghiệm. Sự khảo nghiệm đó, chẳng phải từ một phía đến, mà là từ bốn phương tám hướng

kéo đến. Ma là kẻ vô hình vô tướng, khi đến thì bạn chẳng biết, khi đi rồi thì mới rõ. Nếu chẳng qua được sự khảo nghiệm, thì khảo chẳng hợp cách, vì chưa đạt đến được cảnh giới thuần nhất thanh tịnh. Do đó “Định lực chẳng kiên cố”, cho nên không chuyển được cảnh giới, mà bị cảnh giới chuyển. Mọi chốn tu hành đều có rông rảnh lẫn lộn, là đạo tràng phạm Thánh tu hành với nhau. Có người nhận chân tu hành, giữ gìn giới luật, có người chẳng tu hành, suốt ngày chỉ cười cười nói nói, làm ảnh hưởng đến người khác tu hành, đó là hành vi của ma. Nếu nhận thức được thì chẳng bị cảnh giới sở chuyển, chẳng nhận thức được thì bị cảnh giới chuyển. Chúng ta tu đạo phải có định lực chuyển cảnh giới. Nên nhớ: *“Tất cả khảo nghiệm, Xem bạn làm thế nào? Trước mắt mà chẳng biết. Phải luyện lại từ đầu.”*

Có người nói: “Truyền tâm ấn pháp, khi nào khai ngộ mới có thể truyền pháp”, không sai! Dùng tâm ấn tâm, mới truyền thọ được. Những người nào có định lực, tâm kiên cố, có kim cương trí, các điều kiện trên thì đều có thể tiếp thọ đại pháp. Trước khi tiếp thọ, nhất định sẽ có thiên ma đến nhiễu loạn, ma này rất là lợi hại, các vị phải cẩn thận, tuyệt đối chẳng phải hí luận. Trong mỗi thế giới chúng, hết thảy tất cả thế giới, đều nương tựa đủ thứ sự trang nghiêm mà trụ. Nương thần lực của tất cả chư Phật, tất cả Bồ Tát mà trụ. Những thế giới đó, đều gần với nhau, tạo thành lưới thế giới, do đó: “Thế giới này, thế giới kia, vô lượng thế giới, nương thần lực của Phật mà thành tựu”. Trong thế giới hải Hoa Tạng Trang Nghiêm, có đủ thứ sự khác nhau, cùng nhau kiến lập khắp pháp giới để thành tựu thế giới. Tham gia pháp hội giảng kinh, bất cứ nghe hiểu, hoặc nghe không hiểu, đều có sự lợi ích không thể nghĩ bàn.

Chúng ta người tu đạo, thứ nhất là phải có tâm từ bi, bất cứ gặp người nào mắc bệnh đều phải sinh tâm thương xót, phải hết mình giúp đỡ người bệnh để giải trừ bệnh khổ. Bệnh hoạn là một sự khổ trong tám khổ. Lúc đó, nếu gặp người có tâm từ bi an ủi về mặt tinh thần, thì người bệnh sẽ cảm thấy ấm áp vô hạn, tâm trạng khai sáng, bệnh nặng sẽ hóa thành nhẹ, nhẹ thì sẽ hóa không. Đó là trị liệu về tâm lý, cho nên Phật giáo đồ, đều phải có tư tưởng từ bi thương người. Tuy là người thù địch của chúng ta mắc bệnh, thì cũng phải cứu họ ra khỏi dầu sôi lửa bỏng. Do đó có câu: Oán nên mở không nên kết. Đừng lấy oán báo oán, mà hãy lấy ân báo oán.



Ảnh minh họa thiết kế bởi AI - Tạp chí Nghiên cứu Phật học

Nghiệp lực - Nghiệp riêng - Cộng nghiệp

Tất cả chư Phật ba đời biến hóa ra âm thanh để làm thể tính của thế giới đó. Thế giới đó tùy nghiệp lực của chúng sinh mà kiến lập. Vì nghiệp lực của chúng sinh khác nhau, cho nên thế giới có hình thù trang nghiêm khác nhau, đủ thứ hình tướng cũng khác nhau. Đó là tùy nghiệp lực của chúng sinh mà hiện ra. Giống như thế giới của chúng ta đang ở, theo sự thấy của chúng sinh thì là đời ác năm trược, bất quá là cỏ cây đất đá, sông ngòi biển cả thành tựu. Song, theo sự thấy của chư Phật thì là thế giới thanh tịnh trang nghiêm, tất cả đều trang nghiêm bằng bảy báu. Giống như ở phương đông, sự thấy của chúng sinh và chư Phật đều hoàn toàn khác nhau. Tại sao? Vì trong tâm của chúng sinh ô nhiễm, cho nên sự thấy chẳng thanh tịnh, trong tâm của chư Phật thanh tịnh, cho nên sự thấy đều là trang nghiêm. Thế giới thật khác nhau chẳng? Phải! Chẳng giống nhau. Bạn mang gương màu xanh để nhìn thế giới thì sẽ thấy người, vật đều là màu xanh, bạn mang gương màu đỏ để nhìn thế giới thì sẽ thấy người, vật đều là màu đỏ. Tại sao? Vì hệ quan nhìn của bạn là mang kính màu, cho nên thấy thế giới có màu sắc. Chúng sinh tạo nghiệp chướng cũng như thế, thấy hình tướng cũng như thế, cùng một đạo lý. Một sự việc mà đứng trên lập trường để xử lý khác nhau, thì sẽ kết luận khác nhau. Tại sao? Vì là chủ quan chứ không phải khách quan, cho nên mới có lối nhìn và kết luận khác nhau. Vì tùy theo nghiệp luật của chúng sinh, cho nên mỗi cõi Phật, mỗi thế giới chúng đều có sự nghiêm túc vi diệu không thể nghĩ bàn.

Trái đất của chúng ta đang ở là thế giới Ta Bà. Trong thế giới này lại phân ra nhiều cõi nước. Hết thấy chúng sinh ở trong nước của mình, cùng ở trong thế giới Ta Bà, đây là đồng nghiệp, mọi người nghiệp lực giống nhau, còn là sở cảm thông nghiệp, nghiệp lực thông đạt nước này nước kia. Tuy cùng ở trong trái đất, nhưng phân ra chủng tộc khác nhau, quốc tịch khác nhau, mà hiện ra đủ thứ hoàn cảnh khác nhau. Có nước giàu có nhân dân sung sướng, chẳng sợ về chiến tranh. Có nước đất hẹp vật hiếm, sinh sản chẳng đủ, nhân dân khổ, thiên tai nhân họa luôn luôn xảy đến, sống trong sự lo âu sợ hãi, mạng sống không an toàn, đó cũng là sự chiêu cảm của biệt nghiệp. Nếu tạo nghiệp thanh tịnh thì sinh vào đất nước giàu mạnh. Nếu tạo nghiệp ô nhiễm thì sinh vào đất nước bần tiện, luôn luôn đói khát sợ sệt uy hiếp. Trong cõi nước có tạp nhiễm, có thanh tịnh, đều là do nghiệp lực của chúng sinh tạo thành, cũng là thân thông của Bồ Tát biến hóa ra. Giống như chúng ta, niệm trước muốn tu hành, không có nhiều dục vọng, không có nhiều tâm niệm ô nhiễm, đó là thanh tịnh. Song, niệm sau lại muốn chẳng tu hành, cho rằng pháp ô nhiễm không sai, người thế tục họ thích làm, tại sao mình không làm? Đó là ô nhiễm. Thanh tịnh và ô nhiễm đều do tâm tạo ra. Bạn tạo nghiệp thanh tịnh thì thế giới thanh tịnh; bạn tạo nghiệp ô nhiễm thì thế giới ô nhiễm. Vì chúng sinh nghiệp lực quá nặng, cho nên sinh ra nhiều thứ cõi nước. Nếu nghiệp lực của chúng sinh sạch hết thì hết thấy cõi Phật cũng không. Những thế giới đó đều y chỉ nơi phong luân, bị nhiếp trì trong hư không hoặc nương tựa thủy luân mà trụ.

Cõi Phật luôn luôn phóng hào quang. Tại sao? Là do lìa cấu nhiễm, tâm chúng sinh tại đây thanh tịnh, tức cũng là nghiệp lực của chúng sinh hiện ra. Cõi Phật đó chẳng những phóng quang mà còn có đủ thứ sự nghiêm túc tốt đẹp. Đó là do tất cả chư Phật trong mười phương ba đời, khiến cho thế giới luôn luôn thanh tịnh.

Pháp của thế giới là như vậy, có đủ thứ hình trạng. Hết thấy chúng sinh nhìn thấy đều khác nhau. Kỳ thật bốn thế chẳng có sinh, cũng chẳng có hoại diệt. Trong tâm niệm của mỗi chúng sinh hiện ra vô lượng vô biên cõi Phật. Vì chúng sinh nhiều tâm niệm nên các cõi Phật hiện ra cũng nhiều. Vì đại oai thần lực của Phật, nên thế giới chúng sinh thấy đều thanh tịnh chẳng có dơ bẩn. Chúng ta trong thế giới này tham tiền tài, tham sắc đẹp, tham danh lợi, tham ăn uống, tham ngủ nhiều. Năm thứ tham muốn này chẳng buông xả được, cho nên hiện ra đủ thứ phiền não, đó là trong tâm có súc sinh tính. Phiền não là thứ hình xấu xí, khiến cho người luôn luôn bị thiêu đốt trong phiền não.

Mỗi chúng sinh có nghiệp báo khác nhau, cho nên có vô lượng vô biên loại thế giới. Hết thấy chúng sinh trên thế giới đều tham lam giữ lấy chấp trước để sinh tồn, cho nên chịu sự khổ vui đều khác nhau. Tóm lại trông nhân lành thì được

quả lành, trồng nhân ác thì được quả ác.

Khi Đức Phật muốn ra đời thì trước hết ở tại cung trời Đâu Suất, hậu bổ Phật vị. Khi nhân duyên thành thực thì từ cung trời hàng sinh xuống nhân gian, trụ ở trong thai, đến hợp lúc thì mới sinh ra bên hông phải của hoàng hậu Ma da. Sinh ra rồi thì xuất gia tu đạo. Tu hành sắp thành đạo thì ma vương đến nhiễu loạn, nhưng Phật dùng định lực để hàng phục ma vương mà thành chính giác, chuyển pháp luân vô thượng, giáo hóa chúng sinh, đó là tám tướng thành đạo.

Khi Phật chuyển pháp luân thì, tùy tâm của chúng sinh ưa thích mà nói pháp. Phật hay hiện ra đủ thứ tướng khác nhau để vì chúng sinh nói diệu pháp, đối trị căn tính của chúng sinh, khiến cho chúng sinh đắc được pháp ích.

2. Phẩm Tỳ Lô Giá Na

Tỳ Lô Giá Na dịch là quang minh chiếu khắp, khắp hết chỗ mọi nơi, tức là vô tại vô sở bất tại, tận hư không biến pháp giới, đều là quang minh thanh tịnh.

Mười đại pháp môn của Phật Tỳ Lô Giá na:

1. Chúng được tam muội công đức luân của tất cả chư Phật ba đời tu được
 2. Chúng được tất cả Phật pháp phổ môn đà la ni.
 3. Chúng được pháp phương tiện bát nhã ba la mật rộng lớn. Ba pháp trên đây là chúng được Phật Pháp Tăng Tam Bảo.
 4. Chúng được tâm đại trang nghiêm đại từ điều phục tất cả chúng sinh.
 5. Chúng được phổ vân âm đại bi tâm.
 6. Chúng được tâm đại hỉ sinh vô biên công đức tối thắng.
 7. Chúng được tất cả pháp đại xả như thật giác ngộ.
- Bốn pháp trên là nói rõ bốn tâm vô lượng của Phật, khiến cho chúng sinh phát tâm đại bồ đề.
8. Chúng được tạng đại thần thông phương tiện bình đẳng rộng lớn.
 9. Chúng được sức đại nguyện tin hiểu tăng trưởng.
 10. Chúng được pháp môn biện tài vào khắp tất cả trí tuệ quang minh.

Diệu âm của Phật nói pháp đầy đầy khắp thế gian. Phàm là chúng sinh nghe được diệu pháp đó, đều sinh tâm đại hoan hỷ. Phật tùy thuận ngôn ngữ của chúng sinh mà dùng đủ thứ lời lẽ khác nhau, để khen ngợi công đức tu hành của chư Phật. Quang minh của Đức Thế Tôn chiếu đến chúng sinh, thì chúng sinh đều được an lạc. Hết thấy phiền não của chúng sinh thấy đều tiêu diệt sạch, cho nên trong tâm của chúng sinh đều sinh tâm đại hoan hỷ khoái lạc vô cùng.

Mười thứ trí quang minh của Phật:

1. Trí quang minh, minh bạch tất cả pháp viên dung vô ngại, bình đẳng tam muội.
2. Đắc được trí tuệ quang minh, minh bạch tất cả pháp, vào trụ ở trong tâm bồ đề ban đầu.
3. Đắc được trí tuệ quang minh thanh tịnh nhĩ, minh bạch mười phương pháp giới thấy đều có đại quang minh tạng.
4. Đắc được trí tuệ quang minh, minh bạch quán sát tất cả pháp Phật, phát biển đại nguyện.
5. Đắc được trí tuệ quang minh, minh bạch pháp môn vào vô biên biển công đức thanh tịnh hạnh.
6. Đắc được trí tuệ quang minh, minh bạch thú hưởng tâm bồ đề bất thoái chuyển, có sức đại tinh tấn tốc tạt tạt.
7. Đắc được trí tuệ quang minh, minh bạch trong pháp giới có vô lượng sức biến hóa, hay lìa khỏi tất cả khổ luân.
8. Đắc được trí tuệ quang minh, minh bạch quyết định vào vô lượng biển công đức viên mãn.
9. Đắc được trí tuệ quang minh, minh bạch tất cả quyết định giải, đạo lý của tất cả các pháp của Phật trang nghiêm thành biển cả.
10. Đắc được trí tuệ quang minh, minh bạch pháp giới vô biên Phật, biển thần thông hiện ở trước tất cả chúng sinh.
11. Đắc được trí tuệ quang minh, minh bạch pháp mười lực và vô sở úy của tất cả chư Phật.

Khi Đức Phật này tu đại bố thí, thì chẳng những bố thí ngoại tài, mà còn bố thí nội tài. Chỉ cần có ích lợi cho chúng sinh, thì dù xả thí mạng sống cũng không từ, cam tâm tình nguyện hy sinh bản thân mình để mang lại hạnh phúc cho

chúng sinh. Trong quá khứ, chẳng biết Phật đã xả thân bao nhiêu lần, Do đó, có câu: Vì pháp quên mình, tinh thần đó thật là vĩ đại. Phàm là Phật giáo đồ đều phải có tư tưởng thương xót, tất cả vì người mà chẳng vì mình. Vị Phật đó tu pháp môn khó hành vô cùng rộng lớn, chẳng có bờ mé. Ngài từng tu trị hạnh môn vô thượng thù thắng nhất, để trang nghiêm thanh tịnh biển cõi nước chư Phật. Khi chúng ta làm khóa lễ tốt, thì nhất định phải đọc câu:

*"Nguyện đem công đức này.
Trang nghiêm cõi Phật thanh tịnh
Trên đền bốn ơn nặng
Dưới cứu ba đường khổ.
Nếu có ai thấy nghe
Đều pháp tâm bồ đề
Khi xả báo thân này
Đồng sinh về cực lạc".*

Đây là một sự hồi hướng trang nghiêm thanh tịnh biển cõi nước chư Phật. Hiện tại chúng ta cũng tu hạnh môn trang nghiêm biển cõi nước chư Phật. Đừng cho rằng đây là xướng ca, chẳng có ích gì; là việc phô diễn nên chẳng chân thật mà làm. Phải nhận rõ pháp môn mà mình tu hành, tức là trang nghiêm cõi Phật, tức là trên đền ân cha mẹ, dưới cứu khổ chúng sinh, nhất định phải chân thật, to hào đừng làm cầu thả.

Bồ Tát Đại Oai Quang, Ngài đã khai ngộ chứng được tri kiến Phật, vì khiến cho tất cả chúng sinh thế gian cũng được giác ngộ, cho nên Ngài hiển bày chỉ thị mười pháp sau đây, khiến cho chúng sinh phát bồ đề tâm, thành tựu cõi Phật.

1. Hiển bày đủ thứ pháp môn biển nguyện thưở xưa của Phật tu.
2. Hiển bày đủ thứ pháp môn phương tiện thưở xưa của Bồ Tát tu.
3. Hiển bày biển công đức của tất cả Phật làm thế nào mà tu thành.
4. Hiển bày trí thanh tịnh làm thế nào khắp vào tất cả pháp giới.
5. Hiển bày sức tự tại thành Phật trong tất cả đạo tràng.
6. Hiển bày trí tuệ bình đẳng vô sai biệt, mười lực và bốn vô sở úy của Phật.
7. Hiển bày khắp thị hiện thân Phật, pháp báo ứng thân.
8. Hiển bày thần thông biến hóa của Phật không thể nghĩ bàn.
9. Hiển bày vô lượng cõi nước trang nghiêm thanh tịnh.

10. Hiện bày hết thủy hạnh nguyện của Bồ Tát Phổ Hiền.

Khiến cho các chúng sinh nhiều như số hạt bụi núi Tu Di đều phát tâm bồ đề, trên cầu Phật đạo, dưới độ chúng sinh. Có các chúng sinh nhiều như số hạt bụi cõi Phật, đều thành tựu cõi nước Như Lai thanh tịnh. *“Phật dùng một âm diễn nói pháp. Chúng sinh tùy loài đều hiểu rõ.”*

Đó là tùy theo căn lành đời trước của tất cả chúng sinh, mới có thể gặp được quang minh của Phật và diệu âm. Đó là thần thông biến hóa diệu dụng của Phật. Có vô lượng vô biên biến đại chúng như là biển cả. Mỗi thế giới, trước mỗi chúng sinh Phật đều xuất hiện, khắp chuyển vô tận diệu pháp luân giáo hóa chúng sinh, để điều phục tất cả chúng sinh. Đó là dùng quyền cơ đầu giáo vì người nói pháp. Phật quán xem căn cơ của chúng sinh mà quyết định, nên dùng pháp môn nào để giáo hóa, thì dùng pháp môn đó để giáo hóa. Vì căn tính của chúng sinh khác nhau, cho nên nói pháp cũng khác nhau. Ví như khẩu vị của chúng sinh khác nhau, thì dùng đắng cay chua mặn ngọt năm vị để điều phục. Chúng sinh hoan hỷ vị gì, thì cho họ vị đó, khiến cho chúng sinh tâm nguyện mãn túc, đó tức là điều phục. Chúng sinh tham lam thì sẽ hết tham lam, chúng sinh sân hận thì chẳng còn sân hận, chúng sinh ngu si thì cũng chẳng còn ngu si. Vì dục vọng của họ đã đầy đủ, nên chẳng còn mong cầu gì nữa. Do đó, có câu: *‘Nhân đáo vô cầu phẩm tự cao.’* Nghĩa là: Người đến lúc chẳng mong cầu gì nữa thì phẩm hạnh sẽ thanh cao.

Những gì là bốn trí tuệ vô ngại?

Đó là: 1. Pháp vô ngại trí: Phật pháp đều viên dung vô ngại, Phật Phật đạo đồng, pháp pháp vô ngại. Một pháp hay sinh vô lượng pháp, vô lượng pháp không lìa một pháp. Một tức là nhiều, nhiều tức là một. Một nhiều không hai, một nhiều vô ngại. Minh bạch được đạo lý này sẽ sinh khởi trí tuệ, vận dụng trí tuệ này để diễn nói pháp của chư Phật đã nói, tức là pháp vô ngại trí. 2. Nghĩa vô ngại trí: Đối với chúng sinh xiển dương tám vạn bốn ngàn pháp môn, nghĩa lý đều viên dung quán thông với nhau. Nghĩa lý cũng là một nghĩa sinh vô lượng nghĩa, vô lượng nghĩa quy về một nghĩa, một nhiều vô ngại, nên gọi là “pháp môn không hai”. Trí tuệ này gọi là nghĩa vô ngại trí. 3. Từ vô ngại trí: Từ tức là dùng ngôn ngữ biểu đạt sự lý, khiến cho người nghe được minh bạch. Nếu nói rõ sự lý Phật pháp được rõ ràng, viên dung vô ngại, khéo hợp với căn tính hiểu biết của chúng sinh, thì tự nhiên khiến cho người sinh khởi tâm tin. Thứ lời lẽ này, khiến cho người tâm vui vẻ thành phục, vĩnh viễn không nhàm mỏi, đây tức là từ vô ngại trí. 4. Lạc thuyết vô ngại trí: Lạc thuyết là hoan hỷ nói, khéo nói, nguyện ý nói, tự động nói. Có những người không hoan hỷ nói, biết mà không muốn nói với người, ba lần thỉnh cầu mới nói. Trong Kinh Hoa Nghiêm có vị

Thăng Tuệ Bồ Tát nói: “Phật pháp không người nói/ Chỉ tuệ không hiểu được”. Tự mình minh bạch Phật pháp rồi, nếu bạn không thích nói với người khác, thì người sơ cơ học Phật pháp, làm sao mà hiểu được? Cho nên, phải có lạc thuyết tam muội, tức là thời khắc đều nói, ngày đêm đều nói, năm tháng đều nói, vĩnh viễn đều lạc thuyết không nhàm.

Bồ Tát khéo vận dụng trí tuệ, cho nên trí tuệ càng dùng càng tăng trưởng. Ngài siêng năng tu học pháp môn của chư Phật nói, cho nên trí tuệ của Ngài ngày càng thù thắng. Ngài khéo suy ngẫm quán sát tự tính, tự tướng, của các pháp, cho nên trí tuệ quang của Ngài chiếu khắp chúng sinh. Ngài thích đến đạo tràng của chư Phật trong mười phương để nghe pháp, do đó trí tuệ của Ngài thông đạt vô biên. Lại dùng bốn vô ngại trí để hình dung Ngài, thuyết minh trí tuệ thông đạt vô ngại, biện tài vô ngại của Ngài. Bốn vô ngại biện còn gọi là bốn vô ngại trí. Hiện bên ngoài thì dùng ngôn từ để thuyết minh, tức là biện tài. Tàng ở bên trong thì do tự tính tự tâm bên trong phát ra, tức là trí tuệ. Cho nên gọi bên trong là trí, bên ngoài là biện. Bồ Tát đắc được trí tuệ pháp vô ngại biện, biết được tự tướng của tất cả pháp. Tự tướng của tất cả pháp như thế nào? Tự tính ra làm sao? Bồ Tát đều biết rõ.

*"Các pháp từng bốn lai
Thường tự tịch diệt tướng
Bất sinh diệt bất diệt
Bất khả dĩ ngôn tuyên".*

Nghĩa là: Các pháp từ xưa nay/ Tự tướng thường vắng lặng/ Không sinh cũng không diệt/ Không thể dùng lời nói.

Đây tức là tự tướng tự tính của tất cả các pháp. Bồ Tát y cứ nghĩa vô ngại trí, lại biết biệt tướng của các pháp. Biệt tướng tức là tướng đặc biệt. Đã biết tự tướng của các pháp thường vắng lặng, song nghĩa lý của mỗi thứ pháp môn đều khác nhau. Có tám vạn bốn ngàn pháp môn, thì có tám vạn bốn ngàn nghĩa lý, mỗi nghĩa lý lại có nghĩa lý đặc biệt của nó. Các pháp đều là vắng lặng, đây là tướng chung. Mỗi pháp đều có nghĩa lý của nó, đây tức là tướng đặc biệt của mỗi pháp. Tướng đặc biệt thì hiển ra nghĩa lý đặc biệt của pháp. Y cứ nghĩa vô ngại trí thì biết được tướng đặc biệt của các pháp. Bồ Tát dùng từ vô ngại trí để nói pháp nghĩa, tuyệt đối là chân thật, hợp với pháp nghĩa, không thể nào sai lầm được. Không hợp với pháp nghĩa, thì không thể tương ưng với pháp, tức là sai lầm. Như trì giới tinh tấn .v.v... mình minh bạch rồi, dùng thân làm khuôn phép, thân thể lực hành, cung hành thực tiễn, làm Phật sự, và cũng dạy người khác thực hành, ảnh hưởng đến người khác, dẫn đến sự tác dụng, mới là chính lý. Nếu việc gì cũng kêu người khác làm, còn mình làm ngược lại, thì đều là biểu hiện sai lầm. Là đệ tử Phật, ngày đêm siêng năng, không thể sai lầm! Sở dĩ Bồ

Tát có thể lạc thuyết, vì Ngài đã có trí tuệ thông đạt nghĩa lý của các pháp, do đó, Ngài cũng muốn chúng sinh thấu đạt được Phật pháp, đặc được thường lạc chân thật. Do vậy, Ngài chẳng có tư hào mệt mỏi, thường thấy cơ thuyết pháp, khiến cho chúng sinh đặc được pháp lạc, khiến cho Phật pháp hưng long, làm cho bánh xe pháp thường chuyển.

Bồ Tát dùng tướng không ngã mạn, y chân tục hai nghĩa để phân biệt bổ xung thuyết minh bốn vô ngại trí. Pháp vô ngại trí: Biết được các pháp là một tướng bình đẳng. "Bất hoại" là nói không thể bị thiên ma ngoại đạo đến phá hoại cảnh giới "vô ngã". Nghĩa vô ngại trí: Pháp là một tướng bất hoại, nghĩa lý thì viên dung vô ngại. Dùng nghĩa vô ngại trí, biết năm uẩn - sắc, thọ, tưởng, hành, thức, đều là không, Bồ Tát thì muốn giáo hoá chúng sinh làm thế nào thấy được năm uẩn đều không. "Giới" là mười tám giới - mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý, sáu căn, đối với ngoại cảnh bèn sinh ra sáu trần - sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Sáu căn bên trong đối với sáu trần bên ngoài, bèn sinh ra sáu thức - nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức, ý thức. Sinh khởi sáu thức rồi, thì có sự phân biệt. Sáu căn, sáu trần, sáu thức, hợp lại thì gọi là mười tám giới.

"Xú" tức là sáu căn bên trong, sáu trần bên ngoài, hợp lại gọi là mười hai xứ. "Đế" tức là bốn thánh đế - khổ, tập, diệt, đạo. Duyên tức là vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh sắc .v.v... cho đến sinh duyên lão tử, gọi là mười hai nhân duyên. Bồ Tát có nghĩa vô ngại trí, cho nên Ngài minh bạch được những đạo lý này mà Phật đã chứng ngộ, sinh khởi pháp môn phương tiện khéo léo. Tức cũng là pháp môn lục độ - bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ. Dùng lục độ để đối trị khuyết điểm của chúng sinh, phương tiện giáo hoá họ. Dùng pháp môn bố thí để độ chúng sinh xan tham. Pháp môn trì giới, độ những chúng sinh huỷ phạm. Pháp môn nhẫn nhục, độ những chúng sinh cang cường, tâm sân hận nặng. Pháp môn tinh tấn, độ những chúng sinh giải đãi lười biếng. Pháp môn thiền định, độ những chúng sinh tán loạn. Pháp môn trí tuệ, độ những chúng sinh ngu si. Bồ Tát khéo léo dùng pháp môn lục độ, để độ tất cả chúng sinh thoát khổ ách. Từ vô ngại trí: Bồ Tát dùng lời lẽ và văn tự hay đẹp của thế gian, để biểu đạt nghĩa lý vô thượng mà không tổn nơi chân lý. Lạc thuyết vô ngại trí : Là hoan hỉ giảng Kinh thuyết pháp, nói diệu lý vô thượng vô ngã. Từ cạn vào sâu, dần dần đối với chúng sinh xiển dương đến nghĩa lý vô thượng thù thắng. Sự khác biệt trong từ nghĩa, vi tế vô biên, Bồ Tát đều dùng lạc thuyết vô ngại trí, nói rõ ràng dễ hiểu, khiến cho chúng sinh nghe rồi, sinh khởi vô lượng pháp lạc.

Đây là bổ xung lần thứ mười đối với bốn vô ngại trí, để tăng thêm sự xiển minh. Pháp vô ngại trí: Biết được lời nói âm thanh của chư Phật, hay theo ý ngữ của mình, hay theo ý ngữ của người khác, hay theo ý ngữ của mình và người khác.

"Lục" là chỉ có thể phá ma kiêu mạn. "Vô úy" là hàng phục ngoại đạo. "Bất cộng": Là chẳng cùng chung có sự khác nhau nơi nhị thừa. "Từ bi": Là luôn luôn thuyết pháp không mỗi một. "Biện tài": Là thuyết pháp viên dung, thông đạt vô ngại, chẳng bị vấn nạn bên ngoài đến khuất phục. "Phương tiện": Là hay tùy thuận vật cơ. "Chuyển pháp luân": Là diễn nói chính pháp. Dùng pháp vô ngại trí: Dùng mười lực của Phật, bốn vô sở úy, mười tám pháp bất cộng nơi nhị thừa, có tâm đại từ đại bi, phát huy biện tài vô ngại, phương tiện khéo léo để chuyển bánh xe pháp, đại trí tuệ trong hết thấy trí tuệ của chư Phật, tùy chứng được. Nghĩa vô ngại trí: Biết được Phật có thể tùy tâm ý của tám vạn bốn ngàn loại chúng sinh, mà nhiếp thọ họ. Có thể tùy "hành" của tám vạn bốn ngàn loại chúng sinh mà ảnh hưởng họ. Có thể tùy "căn tính" của tám vạn bốn ngàn loại chúng sinh, mà kế hợp họ. Có thể tùy trình độ lý giải của tám vạn bốn ngàn loại chúng sinh, âm thanh khác biệt, mà giáo hóa họ. Từ vô ngại trí: Tùy tâm hành của tất cả chúng sinh, dùng viên âm của Phật, nói pháp đối với chúng sinh, khiến cho chúng sinh tùy loài đều hiểu được, giống như Phật dùng âm thanh khác nhau để nói pháp. Lạc thuyết vô ngại trí: Tùy theo sự tin hiểu của chúng sinh, dùng trí tuệ của Phật, thanh tịnh viên mãn đối với chúng sinh diễn nói diệu pháp, đều khiến cho chúng sinh ngộ vô thượng đạo.

Vị Đại Bồ Tát Cửu khi ngự trên pháp tòa thuyết pháp, thì Ngài có thể dùng một loại âm thanh diễn nói Phật pháp, khiến cho tất cả đại chúng trong hội đều hiểu được. Có khi Ngài cũng dùng các thứ loại ngôn ngữ âm thanh khác nhau, đối với đại chúng pháp hội thuyết pháp, khiến cho đại chúng nghe được liền minh bạch, đều có thể khai ngộ, thành tựu đạo nghiệp của mình tu học. Vì Bồ Tát Cửu địa, Ngài cử tâm động niệm, đã được tùy tâm như ý, cảnh giới thần thông diệu dụng không thể nghĩ bàn. Cảnh giới này, một số người thấy đều là thần thông. Tại phần của Bồ Tát cử địa mà nói, thì đây là cảnh giới của Ngài tu hành tích tụ đủ thứ căn lành công đức mà thành tựu. Bồ Tát đắc được cảnh giới này, hoàn toàn là hành sở vô sự, chẳng chấp vào các tướng, cũng chẳng lìa các tướng. Tức tất cả tướng nói tất cả pháp, tức tất cả pháp hiện tất cả tướng. Tuy nhiên Ngài hiện tất cả tướng, nhưng chẳng có sự chấp trước. Đại chúng nghe đến đủ loại âm thanh của Bồ Tát Cửu địa rồi, liền được khai ngộ, đây được nói là "Nghe tiếng mà ngộ đạo".

Có lúc Bồ Tát lại muốn phóng đại quang minh, ở trong quang minh, diễn nói đủ thứ pháp môn. Khi vị A la hán muốn quán sát tất cả sự việc, thì Ngài phải tác ý để quán sát, nhập định, mới biết được tất cả tiền nhân hậu quả. Bồ Tát tu chứng đến quả vị Bát địa, đã chứng được vô công dụng hạnh, không cần nhập định tác ý quán sát, mà có thể tùy thời minh bạch tất cả việc nhân quả. Vì trí tuệ vô thượng của Bồ Tát cao hơn nhiều so với A la hán. Bồ Tát tu học pháp Bồ Tát đại thừa, tâm của Ngài bao thái hư, lượng khắp cùng sa giới. Cho nên khi Ngài

phóng đại quang minh, thì trong quang minh diễn nói diệu pháp môn của chư Phật nói.

Thậm chí trong ba ngàn đại thiên thế giới, hết thảy tất cả vật thể có hình tướng, và tất cả vật thể không hình tướng, đều đang thuyết pháp, đều đang nghe pháp, cho nên nói "Thầy đều diễn nói ra lời tiếng diệu pháp". Một núi Tu Di, một mặt trời, một mặt trăng, và bốn đại bộ châu : Đông thắng thần châu, Nam thiệm bộ châu, Tây ngưu hoá châu, Bắc câu lưu châu, còn gọi là bốn thiên hạ. Ba như vậy hợp lại là một tiểu thế giới, tích tụ một ngàn tiểu thế giới như vậy, thì gọi là một tiểu thiên thế giới. Tích tụ một ngàn tiểu thiên thế giới, thì gọi là một trung thiên thế giới. Tích tụ một ngàn trung thiên thế giới, thì gọi là một đại thiên thế giới, vì tiểu thiên, trung thiên, đại thiên, có ba chữ thiên, nên gọi là tam thiên đại thiên thế giới. Hiện tại Bồ Tát có thể ở trong đó, hiện đại thần thông. Hoặc có lúc Bồ Tát chỉ phát một loại lời tiếng, chúng sinh nghe rồi, cũng tùy theo loài mà hiểu rõ. Lời tiếng của Bồ Tát phát ra gọi là viên âm, chẳng cần người khác phiên dịch, tự nhiên biến thành lời tiếng khác nhau của mỗi loài, chúng sinh khắp pháp giới nghe được, thầy đều minh bạch.

Hoặc có lúc Bồ Tát trong tâm lại muốn: hết thảy lời tiếng, đều biến thành pháp âm, chẳng riêng gì mình phát ra lời tiếng đang thuyết pháp, mà cho đến mỗi loài chúng sinh phát ra lời tiếng, cũng đều đang thuyết pháp. Khắp pháp giới vạn sự vạn vật đều đang thuyết pháp : Con người nói pháp của con người, Thần nói pháp của Thần, Bồ Tát nói pháp của Bồ Tát, bậc Thánh nhị thừa nói pháp của bậc Thánh nhị thừa, A tu la thì nói pháp của A tu la. Tất cả âm thanh, đều trở thành pháp âm, thường trụ không diệt, giống như vô tuyến điện hiện nay, chạy mãi không ngừng.

Hoặc có lúc Bồ Tát lại muốn: tất cả những ống tiêu, ống sáo, chuông, trống, và tiếng âm nhạc ca vịnh trên thế gian, diễn tấu cũng đều là pháp âm, ca vịnh thuần là phạm âm tán dương Tam Bảo. Hoặc có lúc Bồ Tát lại muốn có thể trong một chữ, tất cả lời tiếng trong câu pháp, đều biểu rõ cụ thể ý nghĩa khác nhau của nó, mà còn viên mãn nữa. Hoặc có lúc Bồ Tát trong tâm muốn khiến cho bất khả thuyết vô lượng thế giới, đất nước gió lửa bốn đại tích tụ trong đó, hết thảy hạt bụi, trong mỗi một hạt bụi, đều diễn nói ra vô lượng vô biên bất khả thuyết pháp môn. Hết thảy tất cả những điều Ngài nghĩ như vậy, đều có thể tùy tâm sở dục, chẳng có gì mà không đắc được, cho nên nói cảnh giới của Bồ Tát là không thể nghĩ bàn. Sự nghĩ muốn của Bồ Tát chẳng phải là vọng tưởng, Bồ Tát muốn làm bất cứ việc gì, đều không cần suy nghĩ tính toán, tùy theo nguyện của Ngài mà thành.

Giả sử hết thảy chúng sinh, trong ba ngàn đại thiên thế giới, đều đến ở trước mặt Ngài, mỗi người đều dùng lời lẽ của mình, hỏi Ngài những vấn đề mà mình không hiểu, kiên thành thỉnh cầu chỉ bày. Mà câu hỏi của mỗi người đều khác nhau, vì phẩm loại chúng sinh khác nhau, thì vấn đề tự nhiên có sự khác nhau. Trong khoảng một niệm, Bồ Tát đều minh bạch hết ý nghĩ của họ, bèn dùng một thứ âm thanh, vì chúng sinh giải thích khắp hết. Mỗi chúng sinh nghe rồi, đều hiểu rõ, cũng khiến cho họ tùy tâm mãn nguyện, đắc được lời giải đáp hy vọng của mỗi người, khiến cho họ sinh tâm đại hoan hỉ. Cũng tình hình như vậy, thậm chí hết thảy chúng sinh trong bất khả thuyết thế giới, trong khoảng một sát na, mỗi người đều dùng vô lượng lời tiếng mà hướng về Bồ Tát đưa ra vấn đề khó khăn, mỗi vấn đề đều khó khăn, nghĩa lý đều khác nhau, nhưng chỉ trong khoảng một niệm, Bồ Tát đều minh bạch chỗ khó khăn của họ hỏi, cũng dùng một thứ âm thanh, vì đại chúng giải thích khắp hết, tùy sự hoan hỉ trong tâm của họ, khiến cho họ đều được toại nguyện. Cho đến, hết thảy chúng sinh trong bất khả thuyết bất khả thế giới, Bồ Tát đều có thể tùy sự cao hứng trong tâm của họ, tùy căn tính của họ, tùy sự hiểu biết của họ, mà vì họ thuyết pháp. Bồ Tát nương đại oai thần lực của mười phương chư Phật, làm đại Phật sự rộng lớn khắp cùng, khắp vì tất cả chúng sinh, làm chỗ nương tựa cho họ.

Lời kết

Bộ Luận Kinh Hoa Nghiêm Đại Phương Quảng Phật được giảng giải bởi Hòa thượng Tuyên Hóa, Việt dịch Tỳ Kheo Thích Minh Định, gồm có 25 quyển. Bài viết này là những ý chính, cô đọng nhất của quyển 06.

Phạm Tuấn Minh

Tài liệu: Kinh Hoa Nghiêm Đại Phương Quảng Phật, Hòa thượng Tuyên Hóa, Hán dịch: Sa môn Thật Xoa Nan Đà, Việt dịch Tỳ Kheo Thích Minh Định, Chùa Kim Quang.